

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103007859 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 5 năm 2005 và thay đổi lần thứ hai ngày 23 tháng 10 năm 2007.

Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội.

Tên viết tắt : CCIC

Trụ sở chính của Công ty tại số 21, phố Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quốc Hùng	Chủ tịch
Ông Đặng Văn Châu	Ủy viên
Ông Đỗ Đình Long	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Đức	Ủy viên
Bà Trần Kim Phương	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này:

Ban Giám đốc

Ông Đặng Văn Châu	Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Hiếu	Phó Giám đốc
Ông Đỗ Đình Long	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Đức	Phó Giám đốc
Bà Trần Thị Thanh Minh	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, 



Đặng Văn Châu

Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2012

Trụ sở chính TP. Hà Nội:

Số 17, Lô 2C, Khu Đô thị Trung Yên,
Phố Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

T +84 (4) 3 783 2121

F +84 (4) 3 783 2122

E info@cpavietnam.vn

W www.cpavietnam.vn

Số: 302/2012/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊNVề Báo cáo tài chính năm 2011
của Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 30/03/2012 của Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") từ trang 05 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ vào kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Quế Dương
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1382/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2012

Vũ Thị Hồng Quỳnh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1969/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	100		58.997.275.105	61.912.858.371
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	2.365.104.159	1.501.051.993
1. Tiền	111		2.365.104.159	1.501.051.993
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		36.659.012.105	37.079.513.729
1. Phải thu khách hàng	131		34.367.810.802	35.255.483.874
2. Trả trước cho người bán	132		270.097.525	1.598.183
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		201.088.251	220.431.179
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	1.830.761.527	1.612.746.493
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(10.746.000)	(10.746.000)
IV- Hàng tồn kho	140	5.3	18.131.241.733	21.207.266.995
1. Hàng tồn kho	141		18.131.241.733	21.207.266.995
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		1.841.917.108	2.125.025.654
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.877.272	18.130.818
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	1.835.039.836	2.106.894.836
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+260)	200		12.355.279.362	4.863.084.136
II- Tài sản cố định	220		11.583.171.683	4.183.570.854
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	2.894.323.637	3.122.952.523
- Nguyên giá	222		5.994.506.758	5.983.780.394
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.100.183.121)	(2.860.827.871)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.6	8.688.848.046	1.060.618.331
V- Tài sản dài hạn khác	260		772.107.679	679.513.282
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	772.107.679	679.513.282
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		71.352.554.467	66.775.942.507

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		58.900.162.174	54.215.457.079
I- Nợ ngắn hạn	310		52.264.173.129	52.691.575.652
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	13.190.171.000	13.011.323.500
2. Phải trả người bán	312		3.670.998.737	3.674.173.256
3. Người mua trả tiền trước	313		16.406.027.398	21.601.984.251
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	5.781.393.739	4.663.017.117
5. Phải trả người lao động	315		754.051.825	857.126.469
6. Chi phí phải trả	316	5.10	7.735.596.841	5.834.871.539
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.11	4.307.820.930	2.780.172.942
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		418.112.659	268.906.578
II- Nợ dài hạn	330		6.635.989.045	1.523.881.427
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.12	4.387.500.000	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		245.925.410	197.617.246
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.13	1.902.563.635	1.226.264.181
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		100.000.000	100.000.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		12.452.392.293	12.560.485.428
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	12.452.392.293	12.560.485.428
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.000.000.000	10.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.542.301	1.542.301
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.332.475.894	1.204.254.270
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	(29.910.941)
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.118.374.098	1.384.599.798
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		71.352.554.467	66.775.942.507

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	TM	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		227.424.746	227.424.746
4. Nợ khó đòi đã xử lý		2.028.155.764	1.912.587.987

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Thủy

Nguyễn Thị Thu Huyền

Đặng Văn Châu

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.15	37.529.628.520	36.931.263.309
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.16	882.939.269	294.164.983
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	36.646.689.251	36.637.098.326
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	28.117.028.477	28.099.660.586
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		8.529.660.774	8.537.437.740
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	73.615.343	50.685.340
7. Chi phí tài chính	22	5.20	1.672.358.728	836.690.239
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.672.358.728</i>	<i>836.690.239</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.21	6.142.971.137	6.010.220.993
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		787.946.252	1.741.211.848
11. Thu nhập khác	31		1.023.906.789	1.794.474.862
12. Chi phí khác	32		262.311.204	1.826.065.053
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.22	761.595.585	(31.590.191)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		1.549.541.837	1.709.621.657
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	431.167.739	427.405.415
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		1.118.374.098	1.282.216.242
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	1.118	1.282

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Thủy

Nguyễn Thị Thu Huyền

Đặng Văn Châu

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
		VND	VND
1	2	3	4
			5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.549.541.837	1.709.621.657
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	239.355.250	243.783.292
- Các khoản dự phòng	03	-	10.746.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	1.598.743.385	786.004.899
- Chi phí lãi vay	06	1.672.358.728	836.690.239
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.059.999.200	3.586.846.087
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	458.126.490	(3.924.257.553)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	3.076.025.262	(4.437.917.593)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(1.515.833.222)	1.182.108.426
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(81.340.851)	37.647.961
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1.672.358.728)	(836.690.239)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(427.405.415)	(202.347.582)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(34.167.334)	(217.208.766)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.863.045.402	(4.811.819.259)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(7.638.956.079)	(800.673.991)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	73.615.343	50.685.340
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ đầu tư	30	(7.565.340.736)	(749.988.651)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	15.145.530.000	10.449.916.500
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(10.579.182.500)	(5.215.929.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.000.000.000)	(1.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ tài chính	40	3.566.347.500	4.033.987.500
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	864.052.166	(1.527.820.410)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.501.051.993	3.028.872.403
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	2.365.104.159	1.501.051.993

Người lập

Nguyễn Thị Thu Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Huyền

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2012



Đặng Văn Châu

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ cổ phần hóa Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Giao thông Công chính Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103007859 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11/5/2005; thay đổi lần thứ 2 ngày 23/10/2007.

Tổng số vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần nhất là 10.000.000.000 đồng. Các cổ đông sáng lập theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 1 và lần thứ 2 bao gồm:

Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Đô thị	300.000	3.000.000.000	30%
283 cổ đông khác	700.000	7.000.000.000	70%
Cộng	1.000.000	10.000.000.000	100%

Trụ sở giao dịch của Công ty: Số 21, phố Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Số lao động bình quân: 191 người

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chủ yếu

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gồm:

- Khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, thí nghiệm xác định các chỉ tiêu kỹ thuật của đất đá nền móng các công trình xây dựng, khảo sát kinh tế - xã hội và điều tra lưu lượng giao thông;
- Lập quy hoạch các khu đô thị, khu công nghiệp và quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng;
- Lập dự án tiền khả thi, dự án khả thi và lập tổng dự toán các công trình: Kiến trúc dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp - thoát nước, công viên cây xanh, khu vui chơi giải trí, xử lý kỹ thuật môi trường, cung cấp điện dân dụng và chiếu sáng công cộng;
- Thiết kế kỹ thuật các công trình;
- Tư vấn thẩm định lập dự án và tổng mức đầu tư, thẩm định hồ sơ thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán công trình;
- Tư vấn thẩm định dự án như: Tư vấn giám sát kỹ thuật (tư vấn giám sát chất lượng xây dựng, tư vấn giám sát xây dựng công trình giao thông, giám sát thi công), tư vấn lập hồ sơ mời thầu, lập hồ sơ địa chính và cắm mốc giải phóng mặt bằng;
- Tổ chức kinh doanh dịch vụ công cộng, dịch vụ giao thông vận tải, dịch vụ thương mại, dịch vụ du lịch khách sạn;
- Đầu tư xây dựng các khu đô thị, công nghiệp, du lịch, vui chơi giải trí (trừ các loại hình vui chơi, giải trí nhà nước cấm), phát triển nhà ở và kinh doanh bất động sản;
- Thực hiện tổng thầu EPC, BOT, BT các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng;
- Thi công xây dựng và thực nghiệm chuyên giao công nghệ mới các công trình: Kiến trúc dân dụng, nhà ở, giao thông, thủy lợi các công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Sản xuất kinh doanh các loại vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị;
- Đánh giá chỉ tiêu cơ lý của các loại vật liệu xây dựng, đánh giá tác động môi trường, quan trắc biến dạng công trình;
- Lập quy hoạch hệ thống giao thông, các công trình văn hóa, di tích, thể thao, vui chơi giải trí;
- Lập Báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế kỹ thuật các công trình xây dựng;
- Phân tích đánh giá lựa chọn nhà thầu, kiểm định chất lượng vật liệu xây dựng và công trình xây dựng;
- Dịch vụ quảng cáo và dịch vụ vui chơi giải trí: kinh doanh điện lực;
- Thiết kế công trình xây dựng biển;
- Thiết kế công trình cảng đường thủy.
- Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện.
- Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.
- Thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc công trình.
- Thi công xây dựng và thực nghiệm chuyên giao công nghệ mới các công trình văn hóa, hạ tầng xã hội, thủy điện.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm 2011 là tư vấn, khảo sát, thiết kế, giám sát thi công và thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp đích danh.

0-C
:H
N
M
HA

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	2011
	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	07 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản lợi thế thương mại do cổ phần hóa, công cụ dụng cụ chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phân ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 đến 3 năm.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	290.514.761	208.143.338
Tiền gửi ngân hàng	2.074.589.398	1.292.908.655
Tổng	2.365.104.159	1.501.051.993

5.2 Các khoản phải thu khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	79.852.200	110.688.000
Phải thu công trình	247.975.848	93.756.411
Phải thu người lao động	138.577.072	162.584.447
Kinh phí công đoàn	36.635.612	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thất nghiệp	-	5.467.401
Phải thu giám sát thi công	721.058.972	721.058.972
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	231.139.554	346.707.331
Phải thu tiền thuế thầu phụ	104.169.823	-
Phải thu khác	271.352.446	172.483.931
Tổng	1.830.761.527	1.612.746.493

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	-	11.223.922
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	18.131.241.733	21.196.043.073
Tổng	18.131.241.733	21.207.266.995

5.4 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	1.835.039.836	2.106.894.836
Tổng	1.835.039.836	2.106.894.836

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN

5.5 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2011	3.042.912.198	398.285.330	1.797.319.545	745.263.321	5.983.780.394
Tăng trong năm	-	10.726.364	-	-	10.726.364
Mua trong năm	-	10.726.364	-	-	10.726.364
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	3.042.912.198	409.011.694	1.797.319.545	745.263.321	5.994.506.758
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2011	673.512.853	325.828.644	1.176.054.906	685.431.468	2.860.827.871
Tăng trong năm	61.855.512	48.541.294	106.401.564	22.556.880	239.355.250
Khấu hao trong năm	61.855.512	48.541.294	106.401.564	22.556.880	239.355.250
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	735.368.365	374.369.938	1.282.456.470	707.988.348	3.100.183.121
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2011	2.369.399.345	72.456.686	621.264.639	59.831.853	3.122.952.523
Tại 31/12/2011	2.307.543.833	34.641.756	514.863.075	37.274.973	2.894.323.637

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.307.543.833

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.516.817.593

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tại ngày 1 tháng 1	1.060.618.331	331.249.794
Tăng	7.640.862.223	729.368.537
Giảm	12.632.508	-
Tại ngày 31 tháng 12	8.688.848.046	1.060.618.331

Chi tiết theo nội dung

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Trụ sở Văn phòng Công ty tại P. Yên Hòa (*)	8.688.848.046	1.060.618.331
Tổng	8.688.848.046	1.060.618.331

(*) Giấy chứng nhận đầu tư số 0112100322 ngày 05/08/2009 của UBND Thành phố Hà Nội với mục tiêu: Xây dựng trụ sở mới Công ty để giải phóng mặt bằng khu liên cơ Vân Hồ phục vụ yêu cầu triển khai dự án của Thành phố. Thời gian hoạt động của dự án: 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

5.7 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tại ngày 1 tháng 1	679.513.282	680.168.391
Tăng	499.390.378	233.358.256
Phân bổ vào chi phí trong năm	406.795.981	234.013.365
Tại ngày 31 tháng 12	772.107.679	679.513.282

Chi tiết theo nội dung

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Lợi thế thương mại	529.048.588	569.128.032
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ chờ phân bổ	8.059.091	33.000.000
Các chi phí khác	235.000.000	77.385.250
Tổng	772.107.679	679.513.282

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.8 Vay ngắn hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay ngắn hạn	12.020.171.000	13.011.323.500
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Chương Dương (*)	2.699.000.000	3.447.916.500
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (**)	2.000.000.000	-
Vay cá nhân (***)	7.321.171.000	9.563.407.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.170.000.000	-
Tổng	13.190.171.000	13.011.323.500

(*) Hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐTD/NHCTCD - CCIC ngày 26/01/11 với số tiền vay 1.800.000.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Mục đích vay: thực hiện phương án kinh doanh: dịch vụ tư vấn thiết kế - Dự án cải thiện môi trường đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc. Lãi suất áp dụng theo phương thức thả nổi điều chỉnh tối đa 3 tháng/ 01 lần. Đảm bảo tiền vay: thế chấp bằng giá trị còn lại và lợi thế thương mại của tài sản trên đất tại 21- Huỳnh Thúc Kháng - Đống Đa - Hà Nội.

Hợp đồng tín dụng số 02/2011/HĐTD/NHCTCD - CCIC ngày 30/12/2011 với số tiền vay 2.000.000.000 đồng. Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay: thanh toán các chi phí để thực hiện phương án sản xuất kinh doanh của Công ty. Lãi suất theo từng kế ước nhận nợ và thay đổi tối đa 03 tháng/01 lần.

(**) Hợp đồng tín dụng hạn mức số SHB.TH4L0101/2011/HDHM-DN/SHB.TH ngày 28/01/2011 với số tiền vay tối đa 6.000.000.000 đồng. Mục đích vay: vay vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay theo từng kế ước nhận nợ cụ thể.

(***) Hợp đồng vay cá nhân với số tiền vay và lãi suất vay được quy định trong từng hợp đồng cụ thể. Mục đích vay vốn: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày nhận nợ.

5.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	4.682.504.385	3.903.301.265
Thuế thu nhập doanh nghiệp	431.167.739	427.405.415
Thuế thu nhập cá nhân	27.216.722	66.934.664
Các loại thuế khác	640.504.893	265.375.773
Tổng	5.781.393.739	4.663.017.117

5.10 Chi phí phải trả

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí lãi vay phải trả	626.245.800	379.377.553
Chi phí phải trả các hợp đồng KS, tư vấn thiết kế	7.027.351.041	5.261.381.242
Chi phí phải trả khác	82.000.000	194.112.744
Tổng	7.735.596.841	5.834.871.539

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.11 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	-	-
Phải trả về cổ phần hóa	82.932.200	112.240.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.224.888.730	2.667.932.942
- Phải trả các chủ nhiệm đồ án và GSTC	2.828.275.724	1.898.200.509
- Phải trả giám sát thi công	741.583.611	-
- Chi phí ăn ca, đồng phục	150.400.000	369.100.000
- Thù lao hội đồng quản trị và BKS	187.500.000	120.000.000
- Phải trả, phải nộp khác	317.129.395	280.632.433
Tổng	4.307.820.930	2.780.172.942

5.12 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn	4.387.500.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (*)	4.387.500.000	-
Nợ dài hạn	-	-
Tổng	4.387.500.000	-

(*) Hợp đồng tín dụng trung hạn số 002L0309/2011/HĐTD/TDH-PN/SHB Hà Nội tháng 09/2011 với số tiền vay 5.850.000.000 đồng. Mục đích vay: thanh toán tiền mua đất theo giá đền bù GPMB khu đất 1.179m² đất tại phường Yên Hòa để xây dựng trụ sở Công ty. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay: 23%/năm. Lãi suất điều chỉnh 03 tháng/01 lần bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND mức lãi suất cao nhất sau kỳ hạn 13 tháng của SHB tại thời điểm điều chỉnh + lãi tối thiểu 6.0%/năm.

5.13 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Cho thuê văn phòng 21 Huỳnh Thúc Kháng	296.640.000	252.120.000
Dự án khu tưởng niệm Chu Văn An	960.270.909	811.871.455
Làng Quốc tế - Thăng Long	516.561.818	-
Doanh thu chưa thực hiện khác	129.090.908	162.272.726
Tổng	1.902.563.635	1.226.264.181

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.14 Vốn chủ sở hữu

Biến động vốn chủ sở hữu

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân
Số dư tại 01/01/2010	10.000.000.000	1.542.301	915.186.295	87.832.104	1.989.314.414
Tăng trong năm	-	-	289.067.975	99.465.721	1.282.216.242
Lãi/lỗ	-	-	-	-	1.282.216.242
Trích quỹ	-	-	289.067.975	99.465.721	-
Giảm trong năm	-	-	-	217.208.766	1.886.930.858
Trích quỹ	-	-	-	-	686.930.858
Chia cổ tức	-	-	-	-	1.200.000.000
Xử lý công nợ trước cổ phần hóa	-	-	-	217.208.766	-
Số dư tại 31/12/2010	10.000.000.000	1.542.301	1.204.254.270	(29.910.941)	1.384.599.798
Số dư tại 01/01/2011	10.000.000.000	1.542.301	1.204.254.270	(29.910.941)	1.384.599.798
Tăng trong năm	-	-	128.221.624	64.078.275	1.118.374.098
Lãi năm nay	-	-	-	-	1.118.374.098
Trích quỹ	-	-	128.221.624	64.078.275	-
Giảm trong năm	-	-	-	34.167.334	1.384.599.798
Phân phối lợi nhuận năm 2010	-	-	-	-	384.599.798
Chia cổ tức	-	-	-	-	1.000.000.000
Xử lý công nợ trước cổ phần hóa	-	-	-	34.167.334	-
Số dư tại 31/12/2011	10.000.000.000	1.542.301	1.332.475.894	-	1.118.374.098

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Đô thị Hà Nội	3.000.000.000	3.000.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	7.000.000.000	7.000.000.000
Tổng	10.000.000.000	10.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	10.000.000.000	10.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	10.000.000.000	10.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.000.000.000	1.200.000.000

Cổ phiếu

	Năm 2011 Cổ phiếu	Năm 2010 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: (VND)</i>	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.15 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu dịch vụ tư vấn, khảo sát và thiết kế	36.980.868.520	36.475.671.309
Doanh thu cho thuê văn phòng	548.760.000	455.592.000
Tổng	37.529.628.520	36.931.263.309

5.16 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giảm giá hàng bán	882.939.269	294.164.983
Tổng	882.939.269	294.164.983

5.17 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu dịch vụ tư vấn, khảo sát và thiết kế	36.097.929.251	36.181.506.326
Doanh thu cho thuê văn phòng	548.760.000	455.592.000
Tổng	36.646.689.251	36.637.098.326

5.18 Giá vốn hàng bán

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn dịch vụ tư vấn, khảo sát và thiết kế	28.117.028.477	28.099.660.586
Giá vốn cho thuê văn phòng	-	-
Tổng	28.117.028.477	28.099.660.586

5.19 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	73.615.343	50.685.340
Tổng	73.615.343	50.685.340

5.20 Chi phí tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí lãi vay	1.672.358.728	836.690.239
Tổng	1.672.358.728	836.690.239

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.188.350.590	3.570.462.538
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	257.980.615	239.912.907
Chi phí khấu hao tài sản cố định	177.576.192	155.503.733
Thuế, phí và lệ phí	80.633.391	34.658.089
Chi phí dịch vụ mua ngoài	740.960.753	635.035.038
Chi phí bằng tiền khác	1.697.469.596	1.374.648.688
Tổng	6.142.971.137	6.010.220.993

5.22 Lợi nhuận khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thu nhập khác	1.023.906.789	1.794.474.862
Hoàn nhập chi phí trích trước	851.608.260	802.702.017
Xử lý các khoản công nợ không phải trả	-	910.000.000
Quyết toán giá trị công trình	114.328.725	-
Thu nhập khác	57.969.804	81.772.845
Chi phí khác	262.311.204	1.826.065.053
Chi phí dở dang công trình không được nghiệm thu	-	81.849.715
Tiền phạt thuế	175.129.120	-
Xử lý các khoản công nợ không thu hồi được	-	1.644.378.835
Chi phí khác	87.182.084	99.836.503
Lợi nhuận khác	761.595.585	(31.590.191)

5.23 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.549.541.837	1.709.621.657
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	175.129.120	-
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	1.724.670.957	1.709.621.657
Thuế suất	25%	25%
Thuế TNDN	431.167.739	427.405.415
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	431.167.739	427.405.415

5.24 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011	Năm 2010
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	1.118.374.098	1.282.216.242
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.118.374.098	1.282.216.242
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.000.000	1.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.118	1.282

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.25 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.580.421.249	3.498.909.506
Chi phí nhân công	22.192.162.943	24.072.681.131
Chi phí khấu hao tài sản cố định	239.355.250	243.783.292
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.568.155.423	9.678.323.112
Chi phí khác bằng tiền	6.026.897.718	8.951.342.020
Tổng	38.606.992.583	46.445.039.061

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch với các bên liên quan****Thu nhập của các nhân sự chủ chốt**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2011 VND</u>	<u>Năm 2010 VND</u>
Hội Đồng quản trị và Ban Kiểm soát		Thù lao	120.000.000	21.600.000
Ban Giám đốc và HĐQT		Tiền lương, thưởng	907.846.000	1.117.246.000

Số dư với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung</u>	<u>31/12/2011 VND</u>	<u>01/01/2011 VND</u>
Phải thu khách hàng				
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Đô thị		Công nợ	-	11.963.554

6.2 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.

Người lập



Nguyễn Thị Thu Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Huyền

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2012

Giám đốc



Đặng Văn Châu